TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN CHÂU** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 288/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 10-8-2018
"V/v Ly hôn giữa chị R và anh M"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Cư.

2. Ông Phạm Hồng Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Mộng Thu là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu *tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Bảo Thịnh – KSV.

Ngày 10 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 73/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 223/2018/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 270/2018QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị R, sinh năm 1980, nơi cư trú: Tổ 8, ấp Hòa Long, xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Tạm trú: ấp 4, xã Xuân Hưng, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. (có mặt).

2. Bị đơn: Anh M, sinh năm 1979, nơi cư trú: Tổ 8, ấp Hòa Long, xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Tạm trú: Số 172, tổ 5, ấp Phủm Soài, xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/02/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị R trình bày: Hôn nhân của anh chị là do anh chị tự tìm hiểu và được cha

mẹ hai bên đồng ý, tiến hành tổ chức lễ cưới vào năm 2003 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Hưng, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. Trong thời gian sống chung do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và mâu thuẩn với nhau về việc anh M có người phụ nữ khác về còn đánh đập chị, dẫn đến vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2017 cho đến nay. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh M. Tại phiên tòa hôm nay, anh M vắng mặt. Tuy nhiên, tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 25/5/2018 thì anh M thống nhất về điều kiện đi đến hôn nhân giống như R trình bày. Anh cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do trong thời gian sống chung do điều kiện anh bận đi buôn bán xa nhà nên cũng có tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài và có lần vợ chồng cự cải anh cũng có nóng giận đánh vợ một lần. Nay anh vẫn còn thương vợ nên anh không đồng ý ly hôn. Trong thời gian chung sống chị R và anh Anh M có 04 đứa con chung tên MO HA MACH SA PHI Y, sinh ngày 09/3/2007; MO HA MACH SA MA ÊL, sinh ngày 12/9/2008; MO HA MACH HAM SAH, sinh ngày 20/4/2011 và A ĐAM, sinh ngày 07/5/2014. Hiện nay các con đang sống với chị R. Chị R yêu cầu được nuôi 04 đứa con chung, chị không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con. Cháu MO HA MACH SA PHI Y, MO HA MACH SA MA ÊL, MO HA MACH HAM SAH và A ĐAM đều có nguyện vọng được sống với chị R. Ngoài ra vợ chồng anh chị không có tài sản chung và cũng không có nợ chung.

Tại phiên tòa chị R vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- *Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự chấp hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý đến khi xét xử đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 48, 70, 71, 203 và Điều 239 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 91, 92, 93 và 94 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 chấp nhận chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị R với anh M; về con chung: Giao 04 đứa con chung MO HA MACH SA PHI Y, sinh ngày 09/3/2007; MO HA MACH SA MA ÊL, sinh ngày 12/9/2008; MO HA MACH HAM SAH, sinh ngày 20/4/2011 và A ĐAM, sinh ngày 07/5/2014

cho chị R trực tiếp nuôi dưỡng, anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung: Không có, đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị R phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền: Chị R có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh M, có nơi cư trú tại tổ 8, ấp Hòa Long, xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh M đã được Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu triệu tập hợp lệ đến phiên Tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh M.

[2] Về nội dung: Chị R và anh M kết hôn với nhau từ năm 2003, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị được xem là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn cuộc sống chung vợ chồng anh chị xảy ra nhiều mâu thuẩn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và anh M đi buôn bán lại có tình cảm với nhiều người phụ nữ khác bên ngoài, chị R nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh M không thay đổi và có nhiều lúc anh còn đánh chị và anh M cũng thừa nhận do điều kiện anh bận đi buôn bán xa nhà nên cũng có tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài và có lần vợ chồng cự cải anh cũng có nóng giận đánh vợ một lần và vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi anh chị sống ly thân đến nay đã lâu

nhưng anh chị không tự hàn gắn đoàn tụ được. HĐXX cũng đã động viên chị R tạo điều kiện cho anh M để vợ chồng đoàn tụ, nhưng chị R vẫn cương quyết ly hôn với anh M. HĐXX nhận thấy tình cảm vợ chồng anh chị không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên HĐXX căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nghĩ nên cho anh chị được ly hôn.

[3] Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống chị R và anh M có 04 đứa con chung tên MO HA MACH SA PHI Y, sinh ngày 09/3/2007; MO HA MACH SA MA ÊL, sinh ngày 12/9/2008; MO HA MACH HAM SAH, sinh ngày 20/4/2011 và A ĐAM, sinh ngày 07/5/2014. Hiện nay các con đang sống với chị R. Chị R yêu cầu được nuôi 04 đứa con chung, chị không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con. Tại biên bản hòa giải anh M cũng đồng ý giao 04 đứa con chung cho chị R được quyền nuôi dưỡng và đó cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu MO HA MACH SA PHI Y, MO HA MACH SA MA ÊL, MO HA MACH HAM SAH và A ĐAM. HĐXX xét thấy, từ khi ly thân cho đến nay chị R là người trực tiếp nuôi con và các cháu MO HA MACH SA PHI Y, MO HA MACH SA MA ÊL, MO HA MACH HAM SAH và A ĐAM cũng có nguyện vọng được sống chung với chị R. Do đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con và vì lợi ích của con HĐXX căn cứ vào các Điều 58, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nghĩ nên giao con chung cho chị R được quyền nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị R không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh M.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị R phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 92, Điều 93 và Điều 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân:* Chị R được ly hôn với anh M.

2. *Về nuôi con chung*: Giao 04 đứa con chung tên MO HA MACH SA PHI Y, sinh ngày 09/3/2007; MO HA MACH SA MA ÊL, sinh ngày 12/9/2008; MO HA MACH HAM SAH, sinh ngày 20/4/2011 và A ĐAM, sinh ngày 07/5/2014 cho chị R trực tiếp nuôi dưỡng. Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị R phải tạo mọi điều kiện thuận lợi cho anh M trong việc đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con thì Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung:* Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị R phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0004486 ngày 07/3/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

"*Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ*".

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX.Tân Châu;
- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- UBND xã, phường;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, V.phòng.

Huỳnh Ngọc Lan